TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-PT
Ngày: 27/3/2019
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Dương.
Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ.
Bà Phan Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A đường B, ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện H, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2018)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ I, khu K, thị trấn L, huyện M, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Ấp N, xã O, huyệnP, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, bà L có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và lời khai tiếp theo tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Do bà H và bà Nguyễn Thị L là bạn bè, quen biết nhau nên vào tháng 4/2018, bà Nguyễn Thị L có hỏi vay tiền bà Nguyễn Thị H để đáo hạn nợ Ngân hàng và hứa trong vòng 07 ngày sẽ trả lại tiền cho bà H, không có lãi suất, bà H đồng ý, hai bên có lập thành Giấy biên nhận, cụ thể như sau:

– Lần 1: Ngày 02/4/2018, bà H giao số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho bà L vay tại quán bà L – Chợ Mới L, có sự chứng kiến của bà Lê Xuân Ph, bà Trịnh Thị H, bà Nguyễn Thị T; Riêng bà Nguyễn Thị Ngọc Th có mặt hay không bà H không biết. Bà L là người trực tiếp nhận số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ) đồng trên.

– Lần 2: Đến ngày 10/4/2018, bà L nói với bà H số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ) đồng không đủ để đáo hạn nợ Ngân hàng nên đề nghị vay thêm của bà H số tiền 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu) đồng, bà H đồng ý. Do bà H không đủ số tiền 490.000.000 đồng nên bà H có vay của bà Lê Xuân Ph 100.000.000 đồng và bà Trịnh Thị H 200.000.000 đồng. Sau đó, bà H cùng bà T, bà Ph, bà H đến nhà bà L – Chợ Mới L gặp bà L nói bà L về nhà của bà H tại xã H, huyện N để lấy thêm tiền cho đủ số tiền 490.000.000 đồng, bà L đồng ý và cùng bà H đi về nhà H để lấy thêm tiền. Khi đến nhà bà H, bà H có đưa cho bà L 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng), bà L trực tiếp nhận số tiền 490.00.000 đồng trên, khi bà L nhận tiền có sự chứng kiến của con trai bà H là anh Nguyễn Hoàng N.

Sau 02 ngày nhận tiền lần 2 (ngày 10/4/2018), bà H yêu cầu bà L trả tiền nhưng bà L chưa có tiền trả nên bà H lập Giấy biên nhận ghi ngày 12/4/2018 và yêu cầu bà L ký tên người nhận tiền, bà T, bà Ph, bà H ký tên người làm chứng, do khi cho bà L vay số tiền một tỷ đồng có sự chứng kiến của bà T, bà Ph và khi bà L hỏi vay thêm của bà H 490.000.000 đồng, bà T, bà Ph, bà H có nghe bà L hỏi vay tiền của bà H.

Trong số tiền 490.000.000 đồng mà bà H cho bà L vay (lần 2), bà H có vay của bà Lê Xuân Ph 100.000.000 đồng và bà Trịnh Thị H 200.000.000 đồng nhưng bà H, bà Ph, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ mà bà Ph, bà H cho bà H vay, để bà H và bà Ph, bà H tự giải quyết với nhau.

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc 1.490.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi.

Đối với yêu cầu bà L trả số tiền lãi 10.000.000 đồng ghi trong đơn khởi kiện ngày 17/4/2018, tại phiên tòa, bà H đề nghị được rút một phần yêu cầu về tiền lãi tính đến ngày xét xử là 10.000.000 đồng, không yêu cầu về lãi đối với số nợ gốc 1.490.000.000 đồng.

Bà H xác định việc bà L vay 1.490.000.000 đồng, chồng bà L là ông Nguyễn Thanh M không biết, chỉ có bà L liên hệ trực tiếp với bà H để hỏi vay

tiền và nhận tiền nên bà H không yêu cầu ông M cùng có trách nhiệm với bà L trả số nợ trên cho bà H.

Việc bà L cho rằng bà Nguyễn Thị T là người vay 1.490.000.000 đồng của bà H, bà chỉ là người nhận tiền giùm. Bà H không thừa nhận, bà L là người trực tiếp hỏi vay tiền và trực tiếp nhận tiền vay 1.490.000.000 đồng của bà.

** Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thị H, bà Lê Xuân Ph, bà Trịnh Thị H, bà Nguyễn Thị T là bạn bè, quen biết với nhau. Riêng bà Nguyễn Thị Kim S là chị chồng của bà; bà Nguyễn Thị Ngọc Th là chị, em bạn dâu với bà.

Do bà là em dâu của bà Nguyễn Thị Kim S nên bà có giới thiệu để bà Nguyễn Thị T vay tiền của bà S, bà T đã vay tiền của bà S nhiều lần với tổng số tiền 1.490.000.000 đồng, bà là người trực tiếp hỏi bà S cho bà T vay tiền và nhận tiền bà T vay do bà S giao, sau đó bà giao lại cho bà T và khi bà T trả lãi, bà T đưa tiền cho bà để bà trả lại cho bà S. Bà xác định, khi hỏi vay và nhận tiền của bà S, bà T chưa lần nào gặp bà S để hỏi vay tiền và nhận tiền. Sau đó, bà T có nhờ bà nói bà S cho bà T vay thêm 3.500.000.000 đồng nhưng bà S không đồng ý, bà S yêu cầu bà T phải trả số tiền 1.490.000.000 đồng xong rồi mới cho vay 3.500.000.000 đồng. Bà T liên hệ với bà Nguyễn Thị H vay số tiền 1.490.000.000 đồng để trả cho bà S để bà S cho bà T vay 3.500.000.000 đồng. Việc bà T vay bà H số tiền 1.490.000.000 đồng và bà là người nhận số tiền trên giùm bà T, cụ thể như sau:

– Ngày 02/4/2018, bà H đem số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đến quán bà – Chợ Mới L cho bà T vay nhưng bà H không giao cho bà T mà giao trực tiếp cho bà và bà nhận tiền, lúc bà nhận tiền có sự chứng kiến của bà T, bà Ph do ngồi cùng bàn. Sau đó, bà cầm số tiền 1.000.000.000 đồng đem đến nhà của bà S để trả cho bà S. Mục đích bà trực tiếp nhận 1.000.000.000 đồng do bà H giao là vì bà đem tiền đi trả nợ giùm cho bà T do bà T nợ tiền bà S.

– Ngày 10/4/2018, bà T vay tiếp 490.000.000 đồng của bà H, nhưng do bà H không đủ tiền cho T vay nên bà cùng với bà H về nhà của bà H tại xã H, huyện N lấy tiền và bà trực tiếp nhận số tiền 490.000.000 đồng trên do bà H giao. Bà xác định, số tiền 490.000.000 đồng trên do bà T vay của bà H, bà chỉ nhận giùm để trả cho bà S.

Bà là người trực tiếp nhận tiền cả 02 lần với tổng số tiền 1.490.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng) do bà H giao, nhưng bà chỉ nhận giùm cho bà T để đem tiền trả cho bà S, bà không vay tiền của bà H. Do đó, việc nguyên đơn bà H yêu cầu bà trả cho bà H số nợ gốc 1.490.000.000 đồng, bà không đồng ý.

Bà không có chứng cứ gì để chứng minh bà T là người vay của bà H số tiền 1.490.000.000 đồng, bà T có vay của bà S số tiền 1.490.000.000 đồng nên không cung cấp cho Tòa án được.

Bà xác định, bà không có yêu cầu gì đối với bà Nguyễn Thị T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xác định chồng bà ông Nguyễn Thanh M không biết gì về việc giao dịch vay số tiền 1.490.000.000 đồng giữa bà, bà H và bà T.

** Trong biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Lê Xuân Ph, bà Trịnh Thị H là bạn bè, quen biết với nhau.

Vào ngày 02/4/2018, bà và bà Lê Xuân Ph đang uống cà phê tại nhà của bà L–Chợ Mới L thì bà H mang số tiền 1.000.000.000 đồng đến nhà bà L cho bà L vay, không có mặt của bà Nguyễn Thị Ngọc Th. Bà L là người trực tiếp nhận số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, khoảng 01 tuần bà L hỏi bà H vay tiếp số tiền 490.000.000 đồng có sự chứng kiến của bà, bà Ph và bà H và bà H nói với bà L là bà L cố gắng đáo hạn nợ Ngân hàng sớm để trả tiền lại cho bà H. Bà nghe bà H nói bà L cùng bà H về nhà bà H tại H, N để nhận tiền 490.000.000 đồng, bà không chứng kiến việc bà L trực tiếp nhận 490.000.000 đồng, bà chỉ nghe nói lại là bà L đã nhận số tiền trên.

Sau 02 ngày nhận tiền lần 2 (ngày 10/4/2018), do bà L không trả tiền cho bà H như đã hứa, nên bà H lập Giấy biên nhận ghi ngày 12/4/2018, đề nghị bà L ký tên và những người có mặt chứng kiến gồm bà, bà Ph, bà H ký tên, Giấy biên nhận được lập sau khi bà L nhận số tiền 1.490.000.000 đồng.

Việc bà L trình bày bà là người vay số tiền 1.490.000.000 đồng của bà H để nhờ bà L mang 1.490.000.000 đồng trên trả cho bà S là không đúng. Bà không có vay số tiền 1.490.000.000 đồng của bà H. Việc bà H và bà L vay mượn tiền với nhau, bà chỉ là người chứng kiến việc bà L nhận số tiền 1.000.000.000 đồng bà H cho vay, bà L vay tiếp số tiền 490.000.000 đồng bà không trực tiếp chứng kiến, chỉ nghe nói lại, giữa bà và bà H không có vay mượn gì. Việc bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 1.490.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về việc bà L và bà Nguyễn Thị Kim S trình bày, bà có nhờ bà L vay của bà S số tiền 1.490.000.000 đồng là không đúng, bà không lần nào gặp bà S để hỏi vay tiền và nhận tiền do bà S giao. Bà xác định, bà không có vay bất cứ khoản tiền nào của bà S.

** Trong biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất người làm chứng bà Lê Xuân Ph trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Trịnh Thị H là bạn bè, quen biết với nhau.

Vài ngày trước khi bà H cho bà L vay tiền, bà có thấy bà L hỏi vay tiền của bà H để đáo hạn nợ Ngân hàng.

Vào ngày 02/4/2018, bà và bà T đang ngồi uống cà phê tại Chợ Mới L, thì bà H có gọi bà vào nhà của bà L tại Chợ Mới L để chứng kiến việc bà H giao cho bà L vay 1.000.000 đồng để bà L đáo hạn nợ Ngân hàng. Bà xác định, bà và bà T có chứng kiến việc bà H giao cho bà Lan 1.000.000 đồng, bà L là người trực tiếp nhận tiền. Ngoài ra, không còn ai chứng kiến.

Sau đó vài ngày, bà đang uống cà phê tại nhà bà L thì có nghe bà L nói với bà H là số tiền 1.000.000.000 đồng không đủ để đáo hạn Ngân hàng nên bà L vay thêm của bà H số tiền 490.000.000 đồng. Đến ngày 10/4/2018, bà H có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng để gom đủ cho bà L vay 490.000.000 đồng. Do không đủ số tiền 490.000.000 đồng nên bà H nói với bà L theo bà H về nhà bà H tại xã H, huyện N để lấy đủ 490.000.000 đồng. Bà không chứng kiến việc bà L nhận trực tiếp 490.000.000 đồng do bà H giao. Sau đó, bà nghe nói lại là bà L đã nhận số tiền trên.

Sau 02 ngày nhận tiền lần 2 (ngày 10/4/2018), do bà L không trả tiền cho bà H như đã hứa, nên bà H lập Giấy biên nhận đề nghị bà L ký tên và những người có mặt chứng kiến ký tên, Giấy biên nhận được lập sau khi bà L nhận số tiền 1.490.000.000 đồng. Bà xác định chữ ký và chữ ghi họ tên bà trong Giấy biên nhận ghi ngày 12/4/2018 là do bà ký và ghi.

Riêng đối với số tiền 100.000.000 đồng bà cho bà H vay, bà không yêu cầu giải quyết, để bà và bà H tự giải quyết với nhau.

** Trong biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất người làm chứng bà Trịnh Thị Hoàn trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Lê Xuân Ph là bạn bè, quen biết với nhau.

Trước khi bà H cho bà L vay tiền, bà có nghe bà L nói do không có tiền để đáo hạn nợ Ngân hàng nên có hỏi vay tiền của bà H. Việc bà H giao 1.000.0000.000 đồng cho bà L vay bà không có chứng kiến, nhưng bà có nghe bà H nói lại. Đến ngày 10/4/2018, bà H có vay của bà số tiền 200.000.000 đồng để gom đủ cho bà L vay 490.000.000 đồng. Do không đủ 490.000.000 đồng nên bà H nói bà L theo bà H về nhà của bà H tại xã H, huyện N để lấy đủ 490.000.000 đồng. Việc bà H có giao số tiền 490.000.000 đồng cho bà L hay không bà không biết, chỉ nghe bà Hg nói lại là bà L đã nhận số tiền trên.

Sau 02 ngày nhận tiền lần 2 (ngày 10/4/2018), do bà L không trả tiền cho bà H như đã hứa, nên bà H lập Giấy biên nhận đề nghị bà L ký tên và những người có mặt gồm bà T, bà Ph và bà chứng kiến ký tên, Giấy biên nhận được lập sau khi bà L nhận số tiền 1.490.000.000 đồng. Bà xác định chữ ký và chữ ghi họ tên bà trong Giấy biên nhận ghi ngày 12/4/2018 là do bà ký và ghi.

Riêng đối với số tiền 200.000.000 đồng bà cho bà H vay, bà không yêu cầu giải quyết, để bà và bà H tự giải quyết với nhau.

** Trong biên bản đối chất người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thị L là chị, em bạn dâu; bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Lê Xuân Ph chỉ quen biết với nhau.

Vào ngày bà H cho bà T vay tiền, bà có mặt tại nhà của bà L, không ngồi cùng bàn với bà H, bà L, bà T, bà Ph mà chỉ đi lại, có nghe bà H nói cho bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng để trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim S. Lần giao tiền 490.000.000 đồng bà không biết.

** Trong bản tự khai, biên bản đối chất người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim S trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L là em dâu của bà; bà không quen biết bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Lê Xuân Ph.

Vào khoảng năm 2017, bà L có liên hệ, giới thiệu với bà để bà cho bà T vay tiền. Việc vay tiền thành nhiều lần, có đóng lãi hàng tháng, tổng cộng số tiền vay là 1.490.000.000 đồng. Bà xác định, khi hỏi vay tiền cũng như nhận tiền thì bà L là người trực tiếp giao dịch hỏi cho bà T vay tiền, bà L cũng là người trực tiếp nhận tiền từ bà và trực tiếp đóng tiền lãi hàng tháng cho bà; Trong quá trình giao dịch cho bà T vay tiền, bà chưa lần nào gặp mặt bà T và cũng chưa lần nào bà giao tiền cho bà T mà chỉ có nói chuyện qua điện thoại. Qua điện thoại, bà T có nói sẽ cố gắng trả số tiền 1.490.000.000 đồng cho bà để bà đáo hạn nợ Ngân hàng rồi và cho bà T vay 3.500.000.000 đồng.

Sau đó, bà L có cầm 1.000.000.000 đồng đến nhà bà ở tỉnh Long An nói với bà là bà T gửi trả trước 1.000.000.000 đồng. Sau khi nhận 1.000.000.000 đồng bà có xuống nhà bà L để gặp bà T thảo luận để bà cho bà T vay 3.500.000.000 đồng thì bà có gặp bà T và bà H ở đó, bà có nói với bà T cố gắng trả cho bà 490.000.000 đồng còn lại để bà đáo hạn nợ Ngân hàng để vay tiền lại. Bà có nghe bà T nói bà T đã vay của bà H 1.000.000.000 đồng trả cho bà rồi, số tiền còn lại bà T sẽ cố gắng sắp xếp trả lại cho bà.

Vài ngày sau, bà L mang số tiền 490.000.000 đồng còn lại xuống nhà bà để trả bà. Bà T có điện thoại hỏi bà đã có 3.500.000.000 đồng để cho bà T vay chưa, bà có nói với bà T là do con bà biết chuyện bà cho bà T vay tiền nên ngăn cản và bà không đồng ý cho bà T vay tiếp.

Bà xác định bà đã nhận đủ số tiền 1.490.000.000 đồng. Do đó, trong vụ án này bà không có yêu cầu hay ý kiến gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Trong bản tự khai người làm chứng anh Nguyễn Hoàng N trình bày:*

Vào ngày 10/4/2018, anh có thấy bà Nguyễn Thị L đến nhà của bà H (mẹ ruột của anh) tại ấp P, xã H, huyện N để nhận số tiền 490.000.000 đồng, bà L chỉ đến một mình. Sau khi nhận tiền xong, bà L về ngay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L quyết định:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 244; các Điều 266, 271, 273, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 470; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số nợ gốc 1.490.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng, không có lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H về việc trả lãi 10.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ các đương sự phải chịu, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/11/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào giấy biên nhận ghi ngày 12/4/2018, lời khai của những người làm chứng bà Ph, bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T và việc bị đơn bà L thừa nhận bà là người trực tiếp nhận số tiền 1.490.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng) của bà H qua 02 lần. Như vậy có đủ căn cứ xác định Hợp đồng vay tiền giữa bà H và bà L là Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi suất theo quy định tại khoản 1, Điều 470 của Bộ Luật Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bà Nguyễn Thị L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mời chứng minh bà không vay số tiền 1.490.000.000 của bà H mà là bà T vay của bà H bà chỉ là ký tên giùm. Do đó kháng cáo của bà Nguyễn Thị L là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách đương sự Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[3] Về nội dung: Việc bà H cho bà L vay 1.490.000.000 đồng có lập Giấy chứng nhận ghi ngày 12/4/2018, bà L có ký tên người nhận tiền, có người chứng kiến gồm bà Ph, bà T, bà H ký tên làm chứng nên bà H yêu cầu bà L trả cho bà H số nợ gốc 1.490.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi là có căn cứ.

[4] Bà Nguyễn Thị L kháng cáo vì bà cho rằng bà không vay số tiền 1.490.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng) của bà H mà là do bà Nguyễn Thị T vay tiền của bà H để trả nợ cho bà S, bà chỉ là người đứng ra ký tên giùm nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, các tài liệu, chứng cứ và các lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Lan là người trực tiếp nhận số tiền trên của bà Hồng qua 02 lần. Tại các buổi làm việc, đối chất tại Tòa án bà L cũng thừa nhận là người trực tiếp nhận số tiền trên từ bà H, ngoài ra còn căn cứ vào lời khai của nhiều người làm chứng, chứng kiến việc nhận tiền và ký vào giấy biên nhận ngày 12/4/2018.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm vận dụng những chứng cứ nêu trên để khẳng định bà Nguyễn Thị H đã cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 1.490.000.000 đồng, đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H để buộc bà L trả lại số tiền nói trên là đúng. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 244; các Điều 266, 271, 273, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 470; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số nợ gốc 1.490.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng, không có lãi.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H về việc trả lãi 10.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 56.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0068xx ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L được trừ vào án phí phúc thẩm bà L phải chịu.

Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Hsố tiền tạm ứng án phí 28.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021xx ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

4. Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Long Thành
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thành Dương